

TTAT

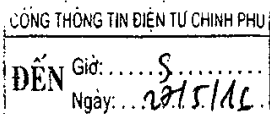
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 870/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng
Vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu trên ranh giới hành chính toàn tỉnh Bình Định có diện tích tự nhiên 6050 km². Gồm 11 đơn vị hành chính: 01 thành phố, 01 thị xã và 9 huyện. Phạm vi và ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi.
- Phía Nam giáp tỉnh Phú Yên.
- Phía Đông giáp biển Đông.
- Phía Tây giáp tỉnh Gia Lai.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Phát huy lợi thế vị trí chiến lược và tiềm năng kinh tế biển, xây dựng hệ thống đô thị - nông thôn tỉnh Bình Định phát triển bền vững trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng. Nâng cao vị thế của tỉnh, tạo sức lan tỏa đến vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Á.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng mô hình không gian tỉnh Bình Định phát triển linh hoạt và hiệu quả. Phát triển hệ thống đô thị - nông thôn theo hướng bền vững, giữ gìn sinh thái môi trường và phù hợp với xu thế hội nhập, sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật diện rộng, các công trình đầu mối kỹ thuật kết nối đồng bộ với hệ thống đô thị, các khu động lực kinh tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia.

- Xây dựng thành phố Quy Nhơn trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, theo định hướng dịch vụ - cảng biển - công nghiệp - du lịch, trọng tâm là dịch vụ - cảng biển tạo sức lan tỏa đến hệ thống đô thị toàn tỉnh Bình Định và vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. Phát triển khu kinh tế Nhơn Hội làm động lực quan trọng phát triển kinh tế xã hội.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng về nhân văn, sinh thái, cảnh quan để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với bảo vệ môi trường.

- Là cơ sở pháp lý triển khai quy hoạch xây dựng đô thị và các khu chức năng đặc thù; lập chương trình kế hoạch phát triển đô thị tỉnh Bình Định.

3. Tính chất

- Là vùng kinh tế tổng hợp thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có các ngành kinh tế chủ đạo là các ngành kinh tế biển, công nghiệp lọc hóa dầu, dịch vụ chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao.

- Là trung tâm công nghiệp năng lượng sạch; văn hóa, du lịch biển, du lịch văn hóa và sinh thái cảnh quan, thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, y tế, giáo dục đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của vùng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.

- Là đầu mối giao lưu kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên. Cửa ngõ của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan ra biển Đông;

- Là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

4. Một số chỉ tiêu cơ bản

a) Dân số

- Dự kiến đến năm 2025: Dân số toàn tỉnh khoảng 155 - 160 vạn người. Dân số thành thị khoảng 60 - 65 vạn người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 38 - 40%.

- Dự kiến đến năm 2035: Dân số toàn tỉnh khoảng 165 - 170 vạn người. Dân số thành thị khoảng 80 - 85 vạn người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45 - 50%.

b) Đất đai

- Dự kiến đến năm 2025 đất xây dựng đô thị khoảng: 10.000 - 11.700 ha.

- Dự kiến đến năm 2035 đất xây dựng đô thị khoảng 13.000 - 16.500 ha.

(Dự báo này sẽ được cụ thể hoá trong quá trình lập quy hoạch)

5. Yêu cầu nghiên cứu

a) Mối quan hệ vùng: Đánh giá vai trò và vị thế của tỉnh Bình Định trong mối quan hệ vùng quốc gia, quốc tế; tác động kinh tế - thương mại - văn hoá trên tuyến hành lang kinh tế quốc tế Đông Tây. Đánh giá tác động lan toả từ thành phố Quy Nhơn và phụ cận; khu kinh tế Nhơn Hội, các khu công nghiệp tập trung, hệ thống cảng biển Quy Nhơn, Thị Nại, các di sản văn hóa, các đầu mối giao thông quốc gia... đến không gian đô thị toàn tỉnh Bình Định.

b) Đánh giá hiện trạng

- Về điều kiện tự nhiên, môi trường: Đánh giá đặc điểm tự nhiên của vùng núi, gò đồi, đồng bằng ven biển, đầm phá. Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên tới các khu vực dự kiến xây dựng hệ thống đô thị và các khu chức năng động lực phát triển vùng tỉnh. Phân tích ảnh hưởng của chế độ thủy văn các sông lớn như sông Hà Thanh, sông Côn, sông Lại Giang, sông La Tinh... Đánh giá các tai biến thiên nhiên (nếu có), vấn đề biến đổi khí hậu liên quan đến chiến lược phát triển đô thị.

- Đánh giá thực trạng và nguồn lực phát triển vùng: Hiện trạng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định. Hiện trạng phân bố hệ thống các đô thị, tính chất, chức năng, quy mô, tỷ lệ đô thị hóa, động lực phát triển, thực trạng quản lý đô thị. Mối liên kết đô thị - nông thôn. Hiện trạng mạng lưới hạ tầng kinh tế, xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật diện rộng.

- Đánh giá và đề xuất giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý thực hiện quy hoạch hệ thống đô thị và các điểm dân cư nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2020; các quy hoạch chuyên ngành về đô thị, nông thôn, hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật....

c) Dự báo quy mô dân số và đất đai, phân vùng phát triển không gian, các cơ sở động lực kinh tế - xã hội. Xác lập tiền đề phát triển hệ thống đô thị - nông thôn, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội vùng tỉnh.

d) Định hướng phát triển không gian vùng tỉnh

- Xây dựng hệ thống đô thị và nông thôn phải phù hợp với chiến lược biển Việt Nam, hành lang kinh tế Đông Tây, định hướng phát triển đô thị toàn quốc, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và sự hình thành khu kinh tế Nhơn Hội.

- Đề xuất khung phát triển vùng, phân bố các vùng kinh tế động lực đảm bảo khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế của tỉnh về điều kiện tự nhiên và hệ thống khung hạ tầng kỹ thuật chính; đảm bảo mối liên kết đô thị - nông thôn. Hình thành các khu trọng điểm về công nghiệp, du lịch, vùng sinh thái nông nghiệp, vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên đáp ứng yêu cầu ứng phó biến đổi khí hậu.

- Đề xuất tổ chức không gian hệ thống đô thị, phân cấp loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, tính chất, chức năng và quy mô các đô thị. Xác định vai trò và các nguyên tắc phát triển thành phố Quy Nhơn, đô thị động lực tiêu vùng ven biển, tiểu vùng trung du miền núi phía Tây; các đô thị chuyên ngành gắn với vùng công nghiệp, du lịch sinh thái, các hành lang đô thị hoá mật độ cao.

- Xây dựng thành phố Quy Nhơn trở thành một trong những đô thị trung tâm vùng kinh tế trọng điểm của vùng và quốc gia, về các lĩnh vực: Đào tạo chất lượng cao, y tế chuyên sâu, dịch vụ thương mại và du lịch, phát triển nhà ở và dịch vụ đô thị..., xác định các chức năng hỗ trợ phát triển tại khu vực phụ cận thành phố Quy Nhơn.

- Khu dân cư nông thôn: Xác định mô hình cấu trúc cư trú nông thôn gắn với các vùng sản xuất theo hướng tập trung áp dụng công nghiệp cao. Nghiên cứu mô hình cư trú nông thôn vùng ngập lũ tại hạ lưu các sông Côn,

sông Hà Thanh; khu vực xung quanh đầm Thị Nại... Tạo lập động lực phát triển một số khu dân cư nông thôn tập trung theo hướng hình thành đô thị loại V; kết nối với các đô thị đã có, hệ thống hạ tầng vùng tỉnh, các khu vực công nghiệp, du lịch, thương mại tập trung.

d) Định hướng phát triển mạng lưới hạ tầng kinh tế - xã hội vùng: Định hướng phân bố và xác định quy mô các trung tâm đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao mang ý nghĩa vùng; trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, nghỉ dưỡng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

e) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật diện rộng: Định hướng khung kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình đầu mối kỹ thuật cấp vùng, nối kết tỉnh Bình Định với các vùng lân cận và đáp ứng yêu cầu phát triển nội vùng tỉnh.

- Về giao thông: Xác định khung giao thông, các công trình đầu mối giao thông toàn vùng tỉnh, kết nối giữa các đô thị và các khu vực đầu tư trọng điểm trong tỉnh, kết nối vùng với đầu mối giao thông quốc gia. Đề xuất quy mô và tuyến các trục hành lang giao thông quốc tế, quốc gia, giao thông nội tỉnh để tăng hiệu quả khai thác các quỹ đất mới tại các vùng huyện, kết nối khu kinh tế, khu công nghiệp với các trung tâm đô thị của tỉnh. Quy hoạch đường thủy nội địa, phát triển hệ thống cảng biển, cảng dầu trung chuyển quốc tế, cảng sông và các cảng chuyên dụng khác phục vụ việc phát triển kinh tế biển, đảo.

- Về chuẩn bị kỹ thuật: Xác định các giải pháp khai thác quỹ đất thuận lợi xây dựng và cảnh báo khai thác quỹ đất các vùng địa chất tự nhiên. Giải pháp tạo quỹ đất xây dựng các vùng đô thị hóa, công nghiệp tập trung; các giải pháp chống ngập lụt, tai biến địa chất... kết hợp với hệ thống thủy lợi, tiêu thoát lũ của vùng.

- Về cấp nước: Dự báo tổng hợp nhu cầu cấp nước toàn vùng. Rà soát các dự án hồ cấp nước trên địa bàn, đề xuất giải pháp cấp nước theo hệ thống diện rộng trên toàn tỉnh và cho các phân vùng, xem xét đến một số khu vực xây dựng tập trung lớn. Đề xuất giải pháp chính để bảo vệ các nguồn nước và các công trình đầu mối, đặc biệt là các hệ thống hồ cấp nước.

- Về cấp điện: Xác định nhu cầu sử dụng điện toàn vùng, đề xuất giải pháp bố trí các công trình đầu mối cấp điện, mạng lưới các tuyến điện cao thế; nghiên cứu đề xuất các nguồn cấp năng lượng tự nhiên khác.

- Thoát nước thải: Xác định tổng quy mô nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất công nghiệp, đề xuất các công trình đầu mối thu gom xử lý.

- Quản lý chất thải rắn: Dự báo tổng quy mô khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, y tế; đề xuất các địa điểm, quy mô công trình đầu mối xử lý chất thải rắn.

- Nghĩa trang: Xác định quy mô, địa điểm nghĩa trang đến cấp tiểu vùng, đề xuất các hình thức an táng không ảnh hưởng đến môi trường và phù hợp với văn hoá địa phương.

- Đánh giá môi trường chiến lược vùng: Khoanh vùng và đề xuất các giải pháp bảo vệ rừng bảo tồn, rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, vùng sinh thái nông nghiệp, vùng bảo vệ cảnh quan đầm Thị Nại... Dự báo và đề xuất giải pháp đối với các tác động đô thị hoá. Đề xuất các nguyên tắc xây dựng không gian tỉnh Bình Định ứng phó với biến đổi khí hậu.

g) Các chương trình và dự án chiến lược: Xác định chương trình thực hiện mục tiêu phát triển đô thị - nông thôn tỉnh Bình Định trong các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn. Danh mục các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cấp vùng; phân kỳ đầu tư hợp lý để làm cơ sở quản lý vùng. Đề xuất các giải pháp về nguồn lực thực hiện các dự án.

h) Các yêu cầu về quản lý xây dựng vùng: Đề xuất các yêu cầu quản lý quy hoạch và xây dựng hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn nhằm bảo vệ vùng cảnh quan tự nhiên, vùng nông lâm ngư nghiệp, sử dụng tiết kiệm và khai thác có hiệu quả quỹ đất, tạo lập không gian đô thị hóa mới cho tỉnh Bình Định.

6. Hồ sơ sản phẩm: Theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ;
- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng;
- Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;
- Thời gian lập đồ án Quy hoạch xây dựng Vùng không quá 15 tháng kể từ khi Chủ đầu tư ký hợp đồng với nhà thầu tư vấn.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tổ chức lập Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Định;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, V.III;
- Lưu: VT, KTN (3b).XH 39

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng